

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 9 năm 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Khải;

2. Bà Nguyễn Thị Phương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐXX-ST ngày 01/9/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Dương Xuân B, sinh năm 1964;

- **Bị đơn:** Bà Dương Thị B1, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Ông B có mặt, Bà B2 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là ông Dương Xuân B có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Xuân B kết hôn với bà Dương Thị B1 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào năm 1987. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống, vợ chồng

ly thân từ tháng 12/2017 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông B đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với Bà B2.

Về con chung: Ông B khai vợ chồng có 02 con chung: là Dương Xuân B2 sinh ngày 10/3/1988 và Dương Xuân Đ, sinh ngày 06/12/1990, hiện con chung đã trưởng thành ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Dương Xuân B khai vợ chồng có tài sản chung gồm:

04 thửa đất có địa chỉ Thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình: Thửa đất 881, tờ bản đồ số 29 diện tích 153,4 m² trên đất có nhà mái bằng diện tích 83 m² xây năm 2017; Thửa đất 882, tờ bản đồ số 29 diện tích 100 m²; Thửa đất 306 diện tích 317,4 m² loại đất ONT trên đất có nhà mái bằng diện tích 140 m² bao gồm cả công trình phụ xây dựng năm 1997; Thửa đất 307 diện tích 233,1 m² loại đất ONT.

Bà B2 chơi 02 chân phường với bà Đặng Thị N, bà Bùi Thị T đều ở thôn K, xã Q, huyện Quỳnh Phụ số tiền 90.000.000 đồng (Bà B2 đã lấy phường khoảng 4/2021). Ngoài ra anh Bùi Gia G, sinh năm 1968, địa chỉ xóm 6, thôn K, xã Q, huyện Quỳnh Phụ nợ vợ chồng số tiền là 95.000.000 đồng.

Ly hôn ông đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2021 và tại biên bản hòa giải ngày 24/8/2021 ông B rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì bị đơn là bà Dương Thị B1 có quan điểm như sau:

Về quá trình, điều kiện kết hôn, như ông B trình bày như trên là đúng. Vợ chồng chung sống đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay. Ông B xin ly hôn thì bà xác định tình cảm vợ chồng không còn bà nhất trí ly hôn với ông B. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 24/8/2021 Bà B2 thay đổi ý kiến bà xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn bà đề nghị Tòa án hòa giải để đoàn tụ.

Về con chung: Bà B2 khai vợ chồng có 02 con chung: là Dương Xuân B2 sinh ngày 10/3/1988 và Dương Xuân Đ, sinh ngày 06/12/1990, hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà B2 xác nhận tài sản chung của vợ chồng như ông B đã khai. Ly hôn Bà B2 đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung của vợ chồng, mỗi người một nửa tài sản nhà và đất. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2021 và tại biên bản hòa giải ngày 24/8/2021 Bà B2 rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- *Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Ông Dương Xuân B và bà Dương Thị B1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào năm 1987. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã Q. Quá trình chung sống vợ chồng ông B, Bà B2 có mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, mỗi người sống một nhà. Nay ông B có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng ông B, Bà B2 có 02 con chung đều đã trưởng thành. Về tài sản chung: Không có ý kiến gì.

- *Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không có ý kiến nhận xét về việc tuân theo pháp luật của bị đơn. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Dương Xuân B và bà Dương Thị B1 là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có mặt tại địa phương nhưng không đến tham gia phiên tòa. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân và địa chỉ của bị đơn. Vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông B, Bà B2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào năm 1987 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không hỏi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc ông B đề nghị ly hôn nhưng Bà B2 không đồng ý ly hôn, đề nghị tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ song Bà B2 không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân, vợ chồng chung sống mỗi người một nhà. Điều này chứng tỏ Bà B2 không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông B, Bà B2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, xử cho ông B được ly hôn Bà B2 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Ông Dương Xuân B và bà Dương Thị B1 có 02 con chung là Dương Xuân B2 sinh ngày 10/3/1988 và Dương Xuân Đ, sinh ngày 06/12/1990, hiện con chung đã trưởng thành nên không đạt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Dương Xuân B và bà Dương Thị B1 yêu cầu tòa án chia tài sản chung của vợ chồng. Tòa án đã tổng đạt thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng ông B, Bà B2 không nộp tiền tạm ứng án phí. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2021 ông B, Bà B2 đều xác định đã nhận được thông báo nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông bà không nộp tiền tạm ứng án phí vì không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và xin rút yêu cầu chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Ông Dương Xuân B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Dương Xuân B được ly hôn bà Dương Thị B1.

2. *Về quan hệ con chung:* Ông Dương Xuân B và bà Dương Thị B1 có 02 con chung là Dương Xuân B2 sinh ngày 10/3/1988 và Dương Xuân Đ, sinh ngày 06/12/1990, con chung đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Không đặt ra để giải quyết.

4. *Về án phí:* Ông Dương Xuân B phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông B đã nộp theo Biên lai thu số 0004439 ngày 13/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Ông Dương Xuân B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Dương Thị B1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Quốc Doanh

